

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V- TỈNH HƯNG YÊN**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Phạm Văn T.**

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Hoàng Thị Thu T.**

Bà **Nguyễn Thị T.**

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên toà: Bà **Trịnh Thị O -**  
Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2022 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện V- tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2022/HSST ngày 11/02/2022 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

**Trương Văn Đ**, sinh năm 1982; HKTT: thôn T, xã V, huyện V; Trình độ văn hoá: 5/12 ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trương Ngọc Đ (đã chết) và bà: Phạm Thị Đ; Gia đình có 04 chị em Đ là thứ 2; Vợ : Nguyễn Thị H; Con: Con 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2013; Tiền sự: Chưa có; Tiền án: Năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (ra trại ngày 11/10/2019). Nhân thân: Năm 2016 bị Tòa án nhân thân huyện V xử phạt 1 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Đ bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh Hưng Yên. Có mặt tại phiên tòa.

**\*Bị hại:** Ông Nguyễn Huy C, sinh năm 1953;

Địa chỉ: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

***Đều vắng mặt tại phiên tòa***

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn Đ ở thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên là đối tượng nghiện ma túy và đã có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Do nhà Đ ở cạnh chùa thôn T nên Đ biết ở phía sau chùa có để nhiều ống tuýp sắt và nhiều đoạn sắt hình hộp dùng làm khung dựng rạp. Đ đã nảy sinh ý Đ trộm cắp mang bán lấy tiền mua ma túy để sử dụng. Khoảng 06 giờ ngày 25/9/2021, Đ đi bộ từ nhà sang chùa thôn T, nhảy qua tường vào sân chùa rồi đi ra khu vực để các thanh, ống sắt làm khung rạp. Đ bê 08 thanh ống sắt, mỗi ống dài từ 1m đến 3m, có tổng trọng lượng là 24kg ném qua tường rào rồi mang về cất giấu tại vườn nhà Đ. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, Đ chở những ống sắt vừa chiếm đoạt được mang đến cửa hàng mua bán phế liệu của anh Nguyễn Văn T ở thôn Đ, xã Đ, huyện V. Anh T không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên đã đồng ý mua với giá 223.000đ. Đ cầm tiền rồi đi mua ma túy về sử dụng. Đến khoảng 05 giờ ngày 02/10/2021 cùng với phương thức, thủ đoạn như cũ, Đ tiếp tục nhảy qua tường vào sân chùa T rồi đi ra khu vực nơi để các thanh, ống sắt làm khung rạp. Đ bê 06 thanh ống sắt, mỗi ống dài từ 2m đến 3 m, đường kính khoảng 3cm, tổng trọng lượng là 21kg ném qua tường rào rồi mang về cất giấu tại vườn nhà Đ. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Đ đi xe đạp chở 06 ống sắt vừa chiếm đoạt được mang đến cửa hàng mua bán phế liệu của anh Nguyễn Văn T ở thôn Đ để bán. Anh T không biết tài sản là do trộm cắp mà có nên đã đồng ý mua 06 ống sắt nói trên với số tiền là 195.000đ. Đ cầm tiền rồi đi mua ma túy để sử dụng. Đến ngày 03/10/2021 ông Nguyễn Huy C là trưởng thôn T đến chùa thì phát hiện mất tài sản là các thanh ống sắt nêu trên nên đã trình báo Công an xã V. Đến ngày 05/10/2021 thì hành vi của Đ bị phát hiện. Sau đó vụ việc được chuyển đến Cơ quan CSĐT – Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 05/10/2021, anh Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp số tài sản đã mua của Đ gồm: 12 đoạn sắt tiết diện tròn 2,5cm có độ dài lần lượt là 1,6m; 1,67m; 2,1m; 1,48m; 2,15m; 2,47m; 2,73m; 2,76m; 2,5m; 2,5m; 2,5m và 2,75m và 02 đoạn sắt tiết diện tròn 3,2cm có độ dài lần lượt là 03m và 3,1m, tổng 45 kg sắt. Cùng ngày 05/10/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trương Văn Đ nhưng không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Ngày 06/10/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện V ra Yêu cầu Đ giá tài sản số 229/YC-CQĐT yêu cầu Hội đồng Đ giá tài sản huyện V Đ giá số tài sản Đ đã trộm cắp tại chùa T. Cùng ngày 06/10/2021 Hội đồng Đ giá tài sản huyện V có kết luận số 136, kết luận: Tổng trị giá tài sản cần Đ giá là 450.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình điều tra Đ còn tự khai: Trong khoảng đầu tháng 9/2021 Đ đã 2 đến 3 lần đột nhập vào chùa T trộm cắp một số ống, thanh sắt dùng để dựng rạp như nêu ở trên rồi đem bán cho người phụ nữ không rõ tên, địa chỉ đi mua sắt vụn rong ở đường lấy tiền tiêu sài cá nhân. Những lần đó, Đ không nhớ rõ được cụ thể ngày cũng như khối lượng sắt đã trộm cắp.

Ngày 11/11/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Võ đã trả lại thôn T, xã V T bộ những ống, thanh sắt đã thu giữ được. Sau khi nhận lại tài sản ông C đã trả cho anh T số tiền 400.000đ mà anh T đã trả tiền khi mua ống sắt của Đ. Đến nay ông C yêu cầu bị cáo Đ bồi thường 3.000.000đ (bao gồm 400.000đ nói trên và số tiền tương ứng với giá những thanh sắt mà thôn bị mất). Bị cáo Đ nhất trí bồi thường nhưng chưa bồi thường vì đang bị tạm giam.

Đối với chiếc xe đạp Đ sử dụng chở ống sắt trộm cắp được đi bán là của Đ, Đ đã bán cho một người không rõ tên, địa chỉ tại khu vực Ga Lạc Đạo, xã Lạc Đạo được 150.000đ mua ma túy sử dụng nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Bị cáo Trương Văn Đ đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu ở trên.

Cáo trạng số: 18/CT - VKS, ngày 11/02/2022 của VKSND huyện V truy tố bị cáo Trương Văn Đ về tội **“Trộm cắp tài sản”** theo quy Đ tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà bị cáo Đ khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát huyện V đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo Trương Văn Đ phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Trương Văn Đ từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/11/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự ; Điều 48 Bộ luật hình sự ; Điều 357, 468, 584 và 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đ phải bồi thường số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho ông Nguyễn Huy C.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền bồi thường của ông C và kể từ ngày Cơ quan thi hành án dân sự có Quyết Đ thi hành án đối với bị cáo Đ, nếu chậm thi hành thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy Đ của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bị cáo Đ phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

### **NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1]. Về hành vi, quyết Đ tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ của Bộ luật tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết Đ của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết Đ của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy Đ của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, đồng thời cũng phù hợp với lời khai của bị hại ông Nguyễn Huy C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Vào các ngày 25/9/2021 và 02/10/2021, Trương Văn Đ là đối tượng đã có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích đã 02 lần thực hiện hành vi lén lút bí mật chiếm đoạt tài sản là những ống tuýp sắt, thanh sắt hình hộp có tổng khối lượng 45kg trị giá 450.000đ của chùa thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên đem bán lấy tiền, sau đó thì bị phát hiện.

[3]. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được bản thân có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục 02 lần thực hiện hành vi lén lút bí mật chiếm đoạt tài sản là những ống tuýp sắt, thanh sắt hình hộp có tổng khối lượng 45kg trị giá 450.000đ của chùa thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên thì bị phát hiện. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Trương Văn Đ về tội trộm cắp tài sản theo quy Đ tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, bị cáo có 01 tiền án năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (ra trại ngày 11/10/2019), tiếp tục thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy Đ tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo còn có nhân thân xấu, năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 1 năm tù về tội Trộm cắp tài sản bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân nay lại tiếp tục thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản. Do vậy việc áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là cần thiết.

[5]. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối C, phạm tội gây thiệt hại không lớn, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy Đ tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Sau khi cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, tôn trọng thành quả lao động của người khác, sống có ích cho xã hội, đồng thời cũng có tác dụng dẫn dắt giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo nghề nghiệp không ổn Đ, kinh tế gia đình khó khăn và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, 468, 584 và 589 Bộ luật dân sự.

Đối với số tiền 3.000.000đ bị cáo chưa bồi thường cho ông Nguyễn Huy C, tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường nhưng chưa có tiền bồi thường nên HĐXX sẽ buộc bị cáo phải bồi thường cho ông C số tiền 3.000.000đ.

[9]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn Đ phạm tội ***“Trộm cắp tài sản”***.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/11/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự ; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, 468, 584 và 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đ phải bồi thường số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) cho ông Nguyễn Huy C.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền bồi thường của ông C và kể từ ngày Cơ quan thi hành án dân sự có Quyết Đ thi hành án đối với bị cáo Đ, nếu chậm thi hành thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy Đ của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự ;

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại ông C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết Đ được thi hành theo quy Đ tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- T.H.A dân sự huyện V;
- Những người tham gia tố tụng ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Văn T**